

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2017/ HNGĐ – ST
Ngày: 11-9- 2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Văn Minh.

2/ Bà Trần Thị Kim Trang.

- Thư ký Tòa án: Bà Đặng Thị Lài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 202/2017/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017. Về: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2017/QĐXXST– HNGĐ ngày 04/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D - Sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Như H– Sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01/3/2017 và tại bản khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh với chị Nguyễn Thị Như H cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian hơn 01 năm. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung với gia đình anh tại xã T, thành phố P. Hàng ngày anh đi làm vườn thanh long, còn vợ ở nhà phụ giúp nấu ăn. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được hơn

01 năm thì vợ tự ý bỏ về nhà mẹ ruột ở. Nguyên nhân là trong cuộc sống hàng ngày gia đình anh gặp nhiều khó khăn, vợ anh không chịu khổ được, nên tự ý bỏ đi chứ vợ chồng không có gây gổ gì. Sau khi biết vợ bỏ đi anh có liên hệ với gia đình vợ thì mẹ vợ bảo rằng: “ Thời buổi bây giờ, sống với nhau được thì sống, không thì bỏ nhau chứ đừng ràng buộc gì nhau”, do vậy anh không đến gặp vợ nữa, anh nghĩ vợ anh khinh gia đình anh nghèo khó nên không muốn sống với anh và bỏ con nhỏ đại đi mà không ngó ngàng gì đến, anh có níu kéo cũng không có hạnh phúc. Chị H bỏ đi từ tháng 12/2016 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không có gặp nhau để bàn bạc vấn đề gì. Chỉ có thời gian gần đây anh có đến đưa giấy triệu tập của Tòa cho vợ thì vợ anh bảo muốn làm gì thì làm, chứ không đi đâu cả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh P – Sinh ngày 08/02/2016 và Nguyễn Thanh D – Sinh ngày 08/02/2016. Hiện nay hai con đang ở với anh D. Khi ly hôn anh D yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của chị H để tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng chị Huỳnh cố tình lẩn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, chị Huỳnh không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật: Anh D yêu cầu được ly hôn, nuôi con với chị H. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Chị H có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã H, huyện H. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B, được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn chị Nguyễn Thị Như H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn chị H.

2/ *Về nội dung*: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Như H cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau được hơn một năm thì chị H bỏ về nhà mẹ ruột ở. Nguyên nhân là trong cuộc sống hàng ngày anh chị không tôn trọng và thông cảm cho nhau, anh D cho rằng cuộc sống của vợ chồng anh gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế, chị H không chịu cuộc sống khổ được, nên chị H đã bỏ hai con còn nhỏ dại về nhà mẹ ruột ở. Vợ chồng đối xử lạnh nhạt không quan tâm đến nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và anh chị không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 12/2016 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng cũng không có gặp nhau để bàn bạc vấn đề hàn gắn. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và yêu cầu được ly hôn chị H. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị H đến Tòa án để hòa giải, nhưng chị H cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tình cảm giữa anh D với chị H không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của anh D là có căn cứ, nên chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh P – Sinh ngày 08/02/2016 và Nguyễn Thanh D – Sinh ngày 08/02/2016. Hiện nay hai con đang ở với anh D. Anh D yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của anh D là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật. Mặc dù hai con của vợ chồng hiện nay mới được hơn 01 tuổi, nhưng chị H ra đi bỏ mặc hai con còn nhỏ dại cho anh D chăm sóc từ tháng 12/2016 cho đến nay, nên việc anh D yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con là có căn cứ để chấp nhận.

Riêng về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa không xem xét giải quyết.

Chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Về tài sản và nợ: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chị Nguyễn Thị Như H không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 72, 73, khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/ Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn D. Anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị Như H.

2/ Về con chung:

- Về nuôi con: Giao hai con chung tên Nguyễn Thanh P – Sinh ngày 08/02/2016 và Nguyễn Thanh D – Sinh ngày 08/02/2016 cho anh Nguyễn Văn D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3/ Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh D đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011939 ngày 23/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Chị Nguyễn Thị Như H không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

